

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-PT

Ngày 21-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Nguyễn Văn Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 113/TB-TA ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng NT (viết tắt là A); địa chỉ trụ sở chính: Số 2 LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Hương G - Phó Giám đốc A Chi nhánh AHB Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 và Văn bản ủy quyền số 2965/ QĐ-NHHC-PC ngày 27/12/2019 của A và Giấy ủy quyền ngày 20/01/2021 của A); có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH thương mại CD (viết tắt là Công ty CD); địa chỉ trụ sở chính: Số 267 NGT, phường ĐL, quận HA, TP Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thanh B, chức vụ: Phó giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị (Theo giấy ủy quyền ngày 02/11/2011); có

mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963;

+ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984;

+ Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989;

+ Anh Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1987;

+ Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1989;

Cùng cư trú tại địa chỉ: Thôn Đ, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; anh T có mặt; bà L, chị T1, anh Đ, anh T2 vắng mặt (bà L và chị T1 ủy quyền cho anh T tham gia phiên tòa; anh Đ, anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Công ty CD và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Văn X- Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Xã hội và Gia đình thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; vắng mặt (bà L có đơn đề nghị từ chối luật sư)

Người kháng cáo: Bị đơn là Công ty TNHH Thương mại CD và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chi nhánh Ngân hàng NN AH, thành phố Hải Phòng (Nay là Ngân hàng NT - Chi nhánh AHB Hải Phòng) đã cho Công ty CD vay vốn theo Hợp đồng tín dụng (viết tắt HĐTD) số 2113-LAV-201100877 ngày 23/12/2011 cụ thể: Tổng số tiền cho vay là 2.000.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Nhập nguyên vật liệu xây dựng (Đá học + Cát đen); lãi suất tại thời điểm cho vay: 1,8%/tháng (21,6%/năm). Theo Văn bản số 949/NHNoBHP-TD ngày 15/9/2017 của A - Chi nhánh AHB Hải Phòng lãi suất cho vay được giảm xuống 6%/năm áp dụng kể từ ngày 01/8/2012 và không tính lãi quá hạn; thời hạn cho vay: 01 năm (12 tháng); tổng số tiền gốc đã trả: 0 đồng; tổng số tiền lãi đã trả: 234.388.888 đồng; dư nợ đến thời điểm hiện tại: 2.000.000.000 đồng và tổng nợ lãi (tạm tính đến ngày 08/9/2020 theo bảng kê tính lãi đính kèm) là: 987.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Giấy nhận nợ ngày 10/01/2012:

+ Ngày giải ngân: 10/01/2012; ngày đến hạn: 10/01/2013; số tiền vay: 1.000.000.000 đồng; dư nợ gốc: 1.000.000.000 đồng;

+ Số tiền lãi đã trả: 117.494.444 đồng (cụ thể : Ngày 23/3/2012 trả lãi số tiền là 49.200.000 đồng, trả lãi từ ngày 10/01/2012 đến hết ngày 31/3/2012; Ngày 23/5/2012 trả lãi số tiền là 36.600.000 đồng, trả lãi từ ngày 01/4/2012 đến hết ngày 31/5/2012; Ngày 31/10/2012 trả lãi số tiền là 18.000.000 đồng, trả lãi từ ngày 01/6/2012 đến hết ngày 30/6/2012; Ngày 26/11/2012 trả lãi số tiền là 13.694.444 đồng, trả lãi từ ngày 01/7/2012 đến hết ngày 31/7/2012)

+ Nợ lãi tạm tính từ ngày 01/8/2012 đến ngày 08/9/2020: 493.500.000 đồng.

- Giấy nhận nợ ngày 11/01/2012:

+ Ngày giải ngân: 11/01/2012; ngày đến hạn: 11/01/2013; số tiền vay: 1.000.000.000 đồng; dư nợ gốc: 1.000.000.000 đồng.

+ Số tiền lãi đã trả: 116.894.444 đồng, cụ thể như sau: Ngày 23/3/2012 trả lãi số tiền là 48.600.000 đồng, trả lãi từ ngày 10/01/2012 đến hết ngày 31/3/2012; Ngày 23/5/2012 trả lãi số tiền là 36.600.000 đồng, trả lãi từ ngày 01/4/2012 đến hết ngày 31/5/2012; Ngày 31/10/2012 trả lãi số tiền là 18.000.000 đồng, trả lãi từ ngày 01/6/2012 đến hết ngày 30/6/2012; Ngày 26/11/2012 trả lãi số tiền là 13.694.444 đồng, trả lãi từ ngày 01/7/2012 đến hết ngày 31/7/2012.

+ Nợ lãi tạm tính từ ngày 01/8/2012 đến ngày 08/9/2020: 493.500.000 đồng.

- Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nêu trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản (viết tắt là HĐTC) ngày 22/12/2011; gồm: Quyền sử dụng diện tích 921 m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số AC 728329, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ: H00409 do UBND huyện AD, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/06/2007 cho ông Nguyễn Văn T4 và ngôi nhà cấp 3 diện tích 60 m² cùng các vật kiến trúc khác đã, đang và sẽ được xây dựng trên diện tích đất nêu trên thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ thôn NX, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Hợp đồng thế chấp đã được Phòng Công chứng số 2, thành phố Hải Phòng chứng nhận số 3742/TC-ĐNV ngày 22/12/2011 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên môi trường huyện AD, thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2011. Giá trị tài sản bảo đảm định giá tại thời điểm vay vốn: 2.913.000.000 đồng. Tài sản trên hiện nay do bà Nguyễn Thị L vẫn đang quản lý và sử dụng.

- Việc vi phạm nghĩa vụ: Công ty CD vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 11/01/2013. Tổng số tiền gốc đã trả: 0 đồng; tổng số tiền lãi đã trả: 234.388.888 đồng; Tổng số tiền phải trả (tính đến hết ngày 08/9/2020): 2.987.000.000 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 09/9/2020 đến khi trả hết nợ. Trong đó: Phải trả nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng và phải trả nợ lãi (tính đến hết ngày 08/9/2020 có bảng kê kèm theo) là: 987.000.000 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 09/9/2020 đến khi trả hết nợ.

Căn cứ nội dung nêu trên, A yêu cầu Tòa án nhân dân quận HA, thành phố

Hải Phòng tuyên buộc như sau:

1. Buộc Công ty CD phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 08/9/2020 là: 2.987.000.000 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 09/9/2020 đến khi trả hết nợ (Trong đó: Phải trả nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng và phải trả nợ lãi là: 987.000.000 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 09/9/2020 đến khi trả hết nợ).

2. Buộc Công ty CD phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại HĐTD số 2113-LAV-201100877 ngày 23/12/2011 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Công ty CD trả hết nợ gốc cho A.

3. Nếu Công ty CD không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo HĐTC để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho A thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty CD để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn nhận thiếu sót là đã không thẩm định tài sản đầy đủ đối với công trình và một số cây ăn quả của vợ chồng anh T, chị T1 là tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nên khi xử lý tài sản thế chấp A sẽ thanh toán giá trị tài sản trên cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh T và vợ là Nguyễn Thị T1 theo kết quả định giá tài sản với tổng số tiền là 113.610.000đồng.

Bị đơn Công ty CD do người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thanh B trình bày:

Ngày 23/12/2011, ông Lê Thanh B là đại diện theo ủy quyền của Công ty CD có ký HĐTD số 2113-LAV-201100877 ngày 23/12/2011 với Aghribank - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng để vay số tiền, cụ thể là: Tổng số tiền cho vay: 2.000.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Nhập nguyên vật liệu xây dựng (Đá học + Cát đen); số tiền lãi đã trả: 234.388.888 đồng. Số tiền này là do ông Sắc là Giám đốc Aghribank - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng bảo ông B trả, sau này ông Sắc sẽ trả lại cho ông B. Toàn bộ số tiền vay được từ A ông B không nộp cho Công ty và cũng không sử dụng vào mục đích kinh doanh của Công ty CD. Đề nghị Ngân hàng phải có bản kê gốc nhận tiền của phòng thủ quỹ.

Ông B xác nhận đã ký vào “Giấy lĩnh tiền mặt” của Aghribank về khoản tiền: 2.000.000.000 đồng, có mặt hai cán bộ tín dụng và ông Sắc cùng ký xác nhận. Thực tế ông B không được nhận tiền này mà đã giao ngay cho ông Sắc để giúp ông Sắc làm thủ tục đáo hạn. Do đó, Công ty CD và ông B không phải trả số tiền vay như đã nêu cho Aghribank. Ông B đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hợp đồng vô hiệu vì không có việc Công ty CD nhận khoản tiền vay 2.000.000.000 đồng của Aghribank.

Đối với tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng diện tích 921m² đất và ngôi nhà cấp 3 diện tích 60m² cùng các vật kiến trúc khác đã, đang và sẽ được xây dựng trên diện tích đất nêu trên thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ thôn NX, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Tài sản trên hiện nay do bà Nguyễn Thị L vẫn đang quản lý và sử dụng; về phía ông Nguyễn Văn T4 (là chồng bà L) đã chết. Đề nghị Ngân hàng xem xét trả lại sổ đỏ cho bà L vì Công ty CD và ông B không vay tiền, không nhận tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà L xác nhận bà và chồng là ông Nguyễn Văn T4 đã ký với A - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, đã được Phòng Công chứng số 2, thành phố Hải Phòng chứng nhận số 3742/TC-ĐNV ngày 22/12/2011 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên môi trường huyện AD, thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2011, cụ thể như sau: Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng diện tích 921m² đất và ngôi nhà cấp 3 diện tích 60m² cùng các vật kiến trúc khác đã, đang và sẽ được xây dựng trên diện tích đất nêu trên thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ thôn NX, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 728329, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ: H00409 do UBND huyện AD, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/06/2007 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn T4. Giá trị tài sản bảo đảm định giá tại thời điểm vay vốn là: 2.913.000.000 đồng.

Tài sản trên hiện nay bà L vẫn đang quản lý và sử dụng; chồng bà là ông Nguyễn Văn T4 đã chết, theo giấy chứng tử số 44/2013 quyền số 01/22 /11 năm 2013 do UBND xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng cấp. Quan điểm giải quyết của bà là không chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 921m² và tài sản gắn liền với đất. Bởi vì vợ chồng bà là người thứ 3 thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của mình đảm bảo cho khoản vay của Công ty CD tại A - Chi nhánh An Hưng để kinh doanh vật liệu xây dựng chứ vợ chồng bà không thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty CD để A thực hiện số tiền đó cho việc đảo nợ hoặc để ông S sử dụng số tiền đó vào mục đích khác ngoài phạm vi kinh doanh vật liệu xây dựng của Công ty CD, bà đề nghị Ngân hàng trả lại sổ đỏ cho bà.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thanh T (vợ là Nguyễn Thị T1) trình bày:

Vợ chồng anh T và gia đình hiện đang ăn ở sinh hoạt trên diện tích 921m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Thị L tại Thôn NX, TT, AD, Hải Phòng, tài sản này hiện đang thế chấp

theo HĐTC số 3742/TC-ĐNV, quyền số 06 ngày 22/12/2011 Phòng Công chứng số 2, số 112 Lê Duẩn, Quán Chũ, Kiến An, Hải Phòng. Do được sự đồng ý của bố mẹ anh nên hai vợ chồng anh đã xây dựng nhà và trồng cây ăn quả lâu năm trên khu đất đã thế chấp, cụ thể gồm có: 01 nhà cấp 4, xây dựng năm 2009, có diện tích 30,4166m²; phần tôn chống nóng và phần tôn đằng trước có tổng diện tích 39,2976m²; toàn bộ tường bao; cổng ra vào và toàn bộ cây trồng lâu năm tại thửa đất số 421. Toàn bộ tài sản nêu trên đã được Tòa án tiến hành thẩm định, định giá, vợ chồng anh đồng ý với kết quả định giá về toàn bộ giá trị tài sản của hai vợ chồng là 113.610.000 đồng (bao gồm: Tổng giá trị công trình xây dựng là 103.103.747 đồng, tổng giá trị cây trồng lâu năm là: 10.510.000đồng).

Thực tế vợ chồng anh không biết việc bố mẹ anh đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, Ngân hàng cũng không thẩm định tài sản thế chấp. Do vậy vợ chồng anh không đồng ý phát mại tài sản đã thế chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tuấn Đ và Nguyễn Thanh T2 cùng trình bày:

Bố mẹ các anh là ông T4 và bà L ký HĐTC với A - Chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng để đảm bảo cho khoản tiền vay cho Công ty CD, anh Đ và anh T2 không biết. Việc bố mẹ các anh cho anh trai là Nguyễn Thanh T và chị dâu là Nguyễn Thị T1 diện tích đất để làm nhà thế nào các anh không biết. Tài sản hiện nay ngoài căn nhà 02 tầng cấp 3, diện tích 60m² là của bố mẹ các anh để lại, còn lại là tài sản của anh T và chị T1, các anh không có liên quan gì đến tài sản của anh T, chị T1. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 124, 342, 343, 355, 715, 716, 717, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 106, điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc Công ty CD phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 08/9/2020 bao gồm: Phải trả nợ gốc là: 2.000.000.000đồng; Phải trả nợ lãi (tính đến hết ngày 08/9/2020 có bảng kê kèm theo) là: 987.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi

suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền lãi phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Trường hợp Công ty CD không trả được khoản nợ nêu trên cho A thì phát mại tài sản đảm bảo sau đây để thu hồi nợ cho A, gồm: Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn NX, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 728329, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ: H00409 do UBND huyện AD, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/06/2007 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn T4. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Công ty TNHH Thương mại CD phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho A. Khi xử lý tài sản thế chấp, A phải hoàn trả giá trị công trình xây dựng và toàn bộ cây trồng lâu năm (đã trồng được khoảng 5 năm) của bên thứ ba là anh Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị T1 (vợ anh T) số tiền là: 113.610.000 đồng (bao gồm: Tổng giá trị CTXD là 103.103.747 đồng; tổng giá trị cây trồng lâu năm là: 10.510.000 đồng) theo Chứng thư thẩm định giá số: 53/2020/CTTĐG-DVC ngày 13/8/2020 của Công ty cổ phần tư vấn thẩm định giá Duyên Hải. Giá trị phát mại còn lại sẽ thực hiện nghĩa vụ đã cam kết thế chấp của ông Nguyễn Văn T4 (đã chết) và vợ là Nguyễn Thị L, theo mức đảm bảo đã thỏa thuận theo HĐTC tài sản đã được Phòng Công chứng số 2, thành phố Hải Phòng chứng nhận số 3742/TC-ĐNV ngày 22/12/2011 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên môi trường huyện AD, TP Hải Phòng ngày 22/12/2011 được ký giữa ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị L với A.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Nội dung kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2020, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh T kháng cáo, cụ thể:

- Bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 08/9/2020 do bị đơn không vay tiền của Ngân hàng, Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty CD là hợp đồng không, giả tạo để Ngân hàng sử dụng tiền vay vào việc đảo nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 08/9/2020 do không đồng ý phát mại tài sản để trả nợ thay ông B; gia đình bà không sử dụng tiền trong hợp đồng giữa ông B và Ngân hàng, hợp đồng có nhiều vấn đề khuất tất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã thừa nhận có ký các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và các giấy tờ về thủ tục nhận tiền. Việc bị đơn trình bày có ký nhận tiền nhưng đã giao lại tiền cho ông Sắc và cán bộ ngân hàng khác là quan hệ dân sự giữa ông B và các cá nhân khác, không liên quan đến Ngân hàng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn thừa nhận có ký vào giấy nhận tiền của Ngân hàng nhưng giấy nhận tiền bị đơn ký chỉ có chữ ký của bị đơn mà không có con dấu của Công ty CD. Do đó, ông B đề nghị Tòa án tiến hành giám định tuổi mực trên các giấy lĩnh tiền do Ngân hàng cung cấp. Ngoài ra, đối với kết luận giám định về chữ ký và con dấu trên giấy lĩnh tiền, ông B không khẳng định kết quả là đúng do các tài liệu giám định đều do Ngân hàng cung cấp. Hiện nay, Công ty CD đã không còn hoạt động, ông B đã làm đơn đề nghị thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh nhưng ông chưa được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng giao Quyết định thu hồi Giấy phép đăng ký kinh doanh, Chi Cục thuế quận HA đã có quyết định đóng mã số thuế của doanh nghiệp. Đối với khoản nợ của Công ty CD, ông B có ký hồ sơ vay tiền để giúp Ngân hàng, toàn bộ số tiền vay ông không nhận tiền, số tiền này do ông Sắc và một số cán bộ Ngân hàng là ông Văn, ông Hạnh nhận tiền, có sổ sách thể hiện việc đưa tiền này. Do ông B không nhận tiền nên không có bản gốc giấy nhận tiền và không có bản kê nhận tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B cung cấp thêm bản gốc 03 sổ ghi chép về việc giao nhận tiền giữa ông B với ông Vũ Đình V (cán bộ tín dụng A), ông Vũ Trung H (cán bộ tín dụng A) và ông Vũ Văn S (Giám đốc A) để Tòa án đối chiếu và xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bởi Ngân hàng có lỗi trong việc cho vay. Ngân hàng không xuống xem xét, thẩm định tài sản, không có biên lai giao tiền giữa Ngân hàng và ông B; ông B không được nhận tiền mà do các cán bộ Ngân hàng nhận tiền nên việc cho vay tiền của Ngân hàng có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đề nghị Tòa án chuyển Cơ quan Điều tra để làm rõ. Do đó, anh T không đồng ý việc phát mại tài sản.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, theo đề nghị của ông Lê Thanh B, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã triệu tập ông Nguyễn Văn Đ và ông Đoàn Tá T6 là cán bộ của A - Chi nhánh AHB Hải Phòng. Tại phiên tòa, ông Đ, ông T6 đề nghị giải quyết vắng mặt và trình bày:

- Ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Tại thời điểm Công ty CD vay vốn của A - chi nhánh AHB Hải Phòng, ông Đ làm Trưởng phòng tín dụng. Ông Đ khẳng định không tham gia các cuộc họp giữa ông B, ông S, ông V, ông H và một số thủ quỹ về việc vay tiền của ông B. Các giấy nhận tiền viết tay giữa ông B với các cá nhân trên là việc riêng giữa các cá nhân, Ngân hàng không liên quan.

- Ông Đoàn Tá T6 trình bày: Tại thời điểm Công ty CD vay vốn của A - chi nhánh AHB Hải Phòng, ông T6 làm thủ quỹ của Ngân hàng, ông T6 có làm thủ tục lĩnh tiền cho Công ty CD và Giấy lĩnh tiền của Công ty CD có chữ ký của ông B là đại diện của Công ty. Ông T6 khẳng định ông B đã nhận đủ tiền trước khi đi ra khỏi quỹ, việc nhận tiền của ông B đã được thực hiện đúng thủ tục, trình tự của Ngân hàng. Ông B vẫn có một số lần nộp tiền để trả nợ và do thời gian dài nên Ngân hàng không còn lưu giữ bản kê tiền.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh T: HĐTC ngày 22/12/2011 được ký kết giữa nguyên đơn và ông T4, bà L bảo đảm về nội dung và hình thức, các bên đều thừa nhận tự nguyện ký vào Hợp đồng, HĐTC được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định, do đó HĐTC là hợp pháp, phát sinh hiệu lực đối với các bên. Đến hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả được nợ cho nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

+ Đối với kháng cáo của bị đơn: HĐTD số 2113-LAV-201100877 ngày 23/12/2011 được ký kết giữa A - chi nhánh An Hưng Bắc Hải Phòng và Công ty CD trên cơ sở tự nguyện, đúng thẩm quyền, hình thức hợp đồng đúng quy định, do đó HĐTD là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bị đơn cho rằng HĐTD là giả tạo nhằm che đậy mục đích vay tiền để cho Ngân hàng đảo nợ, thực tế bị đơn không nhận tiền, tuy nhiên bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ

chứng minh việc ký HĐTD là giả tạo, bị đơn cũng thừa nhận ký vào hai giấy nhận tiền ngày 10/01/2012 và 11/01/2012, do đó ý kiến kháng cáo này không có căn cứ.

+ Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm còn có sai sót: Bản án sơ thẩm đã tuyên: “Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng” là đảm bảo với quy định tại Án lệ 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm lại tuyên thêm: “Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền lãi phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015” là không đúng theo quy định của pháp luật (Án lệ 08, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng,, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm) làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị đơn. Do đó, cần phải chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bỏ phần tuyên bị đơn phải trả tính trên lãi chậm trả này.

+ Về án phí phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm 04/2020/KDTM-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân quận HA theo hướng bỏ phần tuyên về lãi trên lãi chậm trả giai đoạn thi hành án. Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Tuấn Đ, anh Nguyễn Thanh T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; anh Đ, anh T2 đã có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T1, bà L đã ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh T tham gia phiên tòa. Ông Nguyễn Văn Xứng là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Công ty CD và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L, tại phiên tòa phúc thẩm, bà L đã có đơn từ chối Luật sư, ông B đã đề nghị vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt luật sư, ông B tự mình bảo vệ quyền lợi. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc bị đơn yêu cầu giám định tuổi mực trong các Giấy lĩnh tiền: Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông B, bởi lẽ: Trong hồ sơ vụ án đã có Kết luận giám định về chữ ký của ông B và con dấu của Công ty CD, ông B đã thừa nhận có ký vào các giấy lĩnh tiền nên việc giám định tuổi mực là không cần thiết.

- Xét kháng cáo của bị đơn là Công ty CD:

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản làm việc ngày 06/01/2021, ông B là người đại diện hợp pháp của Công ty CD thừa nhận có ký HĐTD số 2113-LAV-201100877 ngày 23/12/2011, có ký các hồ sơ tín dụng, tuy nhiên đối với giấy lĩnh tiền, ông B có ký nhưng không phải như nội dung giấy lĩnh tiền mà Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án, cụ thể: Giấy lĩnh tiền do ông B ký và ghi tên viết tay, trong khi Giấy lĩnh tiền có trong hồ sơ lại có chữ ký của ông B nhưng đóng dấu Công ty và dấu tên là không đúng. Ông B không nhận tiền, toàn bộ số tiền này do ông Sắc nhận và sử dụng, ông B cho rằng số tiền vay do ông Sắc tự rút và sử dụng, ông B không nhận tiền, ông B có cung cấp cho Tòa án các trang viết tay thể hiện việc ông B có giao tiền cho ông Sắc và một số cán bộ Ngân hàng vào các ngày 03/4/2012, 8/7/2011, 07/7/2011, 03/4/2012, 04/4/2012, 15/02/2012. Tuy nhiên, đối chiếu với thời điểm rút tiền mặt theo Giấy lĩnh tiền mặt 10/01/2012 và 11/01/2012 thì việc ông B giao tiền cho ông Sắc đều trước hoặc sau thời điểm ông B rút tiền tại Ngân hàng.

[5] Ông B là người đại diện cho Công ty CD có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông thừa nhận có ký các hồ sơ tín dụng, Hợp đồng tín dụng và giấy nhận tiền nên phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Việc ông B và Ngân hàng đều trình bày ông B có ký vào 02 giấy lĩnh tiền phù hợp với Kết luận giám định số 99/KLGD ngày 05/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng thể hiện chữ ký và dấu trên các giấy lĩnh tiền là của ông B và Công ty CD. Ngoài ra, ông B không cung cấp được các tài liệu gì khác thể hiện ông Sắc là người trực tiếp nhận số tiền vay này từ Ngân hàng, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông B. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty CD phải trả các khoản tiền gốc, lãi theo yêu cầu khởi kiện của A là đúng nhưng cần buộc ông B là

người đại diện cùng chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ của Công ty CD vì mọi hoạt động ký kết HĐTD và nhận tiền đều do ông B thực hiện.

- *Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh T:*

[6] Ông Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Thị L có ký HĐTC với Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty CD tại Ngân hàng. Theo mục 1.2 Điều 1 Hợp đồng thế chấp đã thể hiện bên thế chấp tài sản là ông T4 và bà L tự nguyện dùng tài sản là bất động sản thuộc quyền sở hữu của mình để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay (gốc, lãi và các nghĩa vụ phát sinh) của Công ty CD cho bên nhận thế chấp là Agibank. Việc ký hợp đồng thế chấp của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, trong quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận ông T4 và bà L có ký HĐTC, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên môi trường huyện AD đã đảm bảo quy định của pháp luật về nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật.

[7] Do HĐTD số 2113-LAV-201100877 ngày 23/12/2011 phát sinh hiệu lực với các bên, theo đó, mục 6.1 Điều 6 và Điều 7 đã quy định nghĩa vụ của bên thế chấp và việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bên vay vốn không trả được nợ, theo đó đến hạn thanh toán mà Công ty CD không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ vì bất kỳ lý do gì thì bên thế chấp dùng tài sản đã thế chấp để trả nợ cho bên vay vốn tại Ngân hàng.

[8] Mặt khác việc bà L, anh T cho rằng HĐTC có nhiều vấn đề khuất tất là không có căn cứ bởi bà L và anh T chưa trình bày được các nội dung chưa rõ, khuất tất của Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng tín dụng, không cung cấp được các tài liệu thể hiện việc này.

[9] Đối với mục đích sử dụng tiền vay, HĐTC giữa 3 bên không thể hiện việc nghĩa vụ của bên vay vốn là Công ty CD phải sử dụng số tiền vay đúng mục đích như trong Hợp đồng tín dụng thì mới phát sinh nghĩa vụ của bên thế chấp. Ngoài ra, theo mục 8.3 Điều 8 Hợp đồng đã quy định bên vay vốn cam kết nếu tài sản của bên thế chấp bị xử lý như Điều 7 của Hợp đồng thì bên vay vốn có trách nhiệm bồi thường cho bên thế chấp, do đó nếu tài sản bị phát mại, bà L có quyền yêu cầu Công ty CD phải có trách nhiệm bồi thường và được giải quyết trong vụ án khác nếu có yêu cầu. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[10] Đối với việc nhận và sử dụng tiền vay: Theo HĐTC và các quy định của pháp luật về HĐTC không quy định quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp trong việc sử dụng số tiền vay, đồng thời theo mục 6.2 Điều 6 của Hợp đồng có thỏa thuận: “Nội dung quyền và nghĩa vụ giữa bên thế chấp và bên vay vốn không nằm trong hợp đồng này mà sẽ do hai bên tự thỏa thuận bằng văn bản khác nhưng

không trái pháp luật và đạo đức xã hội”. Như vậy, việc người thế chấp hay người vay vốn nhận và sử dụng số tiền vay là việc thỏa thuận giữa 2 bên, không ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của Hợp đồng thế chấp nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[11] Đối với tài sản của anh T, Ngân hàng đã thừa nhận có thiếu sót trong việc thẩm định tài sản thế chấp dẫn tới việc khi thế chấp không đưa các tài sản của anh T và vợ, gồm 01 nhà cấp 4 và một số cây trồng lâu năm có tổng giá trị tài sản là 113.610.000 đồng vào hợp đồng thế chấp. Do đó, khi phát mại tài sản cần trả lại cho anh T và vợ giá trị những tài sản này như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

[12] Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về mức lãi suất chậm thi hành án đối với khoản nợ lãi quá hạn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định mức lãi suất chậm thi hành án riêng biệt đối với số tiền nợ gốc và nợ lãi là chưa đúng, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng áp dụng một số quy định của pháp luật lãi, lãi suất, phạt vi phạm “...hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật...cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác” và Luật các Tổ chức tín dụng, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng (chưa hết hiệu lực thi hành). Do đó, cần phải căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 về xác định lãi suất chậm thi hành án đối với các HĐTD nói chung thì mới đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự, không buộc bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với phần lãi phải trả cho nguyên đơn. Do đó, cần sửa Bản án sơ thẩm về phần tuyên lãi suất chậm thi hành án đối với khoản nợ lãi quá hạn để thống nhất áp dụng pháp luật cho đến khi có quy định khác về lãi suất chậm thi hành án đối với phần lãi trong HĐTD.

[13] Đối với việc bị đơn trình bày có ký các Giấy nhận tiền nhưng không nhận tiền mà cho ông Sắc và 2 cán bộ tín dụng là ông Vũ Trung Hạnh và ông Vũ Đình Văn vay: Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ dân sự giữa các cá nhân nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu đương sự có yêu cầu.

[14] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; sửa Bản án sơ thẩm về việc tuyên lãi suất chậm thi hành án đối với khoản nợ lãi quá hạn.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, phúc thẩm: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Án phí sơ thẩm: Công ty CD phải chịu 91.740.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại A số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 53.867.000 đồng, theo Biên lai thu số 0005376 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, Hải Phòng.

[16] Án phí kinh doanh phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn là Công ty CD và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh T không được chấp nhận nhưng Hội đồng xét xử sửa quyết định bản án sơ thẩm về phần lãi suất chậm thi hành án nên Công ty CD và bà L, anh T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 122, 124, 342, 343, 355, 715, 716, 717, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 106, điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng;

Căn cứ Án lệ số 11/2017/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017 về công nhận hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất mà trên đất có tài sản không thuộc sở hữu của bên thế chấp.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH Thương mại CD và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh T; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NT; sửa Bản án sơ thẩm, cụ thể:

1. Buộc Công ty TNHH Thương mại CD (do ông Lê Thanh B là người đại diện hợp pháp) phải trả cho Ngân hàng NT (A) tính đến hết ngày 08/9/2020 tổng số tiền là 2.987.000.000 đồng (*Hai tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu*) đồng (trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, nợ lãi là 987.000.000 đồng);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

2. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại CD không trả hoặc không trả đủ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng NT có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo sau đây để thu hồi nợ:

Quyền sử dụng 921 m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ thôn NX, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 728329, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ: H00409 do UBND huyện AD, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/06/2007 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn T4 (theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 22/12/2011). Khi xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam phải hoàn trả giá trị công trình xây dựng và toàn bộ cây trồng lâu năm với tổng trị giá là 113.610.000 đồng cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị T1. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền ưu tiên mua tài sản phát mại trên.

3. Về án phí: Công ty TNHH Thương mại CD phải chịu 91.740.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng NT số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 53.867.000 đồng, theo Biên lai thu số 0005376 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, Hải Phòng.

+ Án phí kinh doanh phúc thẩm:

Công ty TNHH Thương mại CD, bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trả lại Công ty TNHH Thương mại CD số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017848 ngày 22/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Phòng nhưng tạm giữ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Công ty TNHH Thương mại CD để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0017849 ngày 23/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận HA;
- TAND quận HA;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà